

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được, thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi Bảng câu hỏi này về :

Panjabhum Building
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120

THAILAND

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : MAI BUM Sex : Male.
Họ tên Phái
2. Other Name : Any
Họ tên khác
3. Date/Place of birth : 1916 Thới Đông, Ô Môn, Hậu Giang
Ngày/ Nơi sanh
4. Residence Address : Thới Đông Commune, Ô Môn District,
Địa chỉ thường trú Hậu Giang, Province, HẬU GIANG
5. Mailing Address : VIỆT NAM Any
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you, list marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚY : Chỉ có vợ chồng và con độc thân mới có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. MAI BÍCH	1968 Thới Đông Ph.Dinh	M	M	Son

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Y : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần khai sinh, Hôn thú (nếu đã lập gia đình), Giấy ly hôn (nếu đã ly dị), khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con nào sẽ cùng đi với bạn mà hiện không đang chung ngụ, khai địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Mỹ	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:
d. Date of Relative's Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Hoa Kỳ	:	:
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (Sống/chết)

1. Father Cha	:	MAI DUC	(Dead)
2. Mother Mẹ	:	THỊ TUC	(Dead)
3. Spouse Vợ/chồng	:		
4. Former spouse (if any)/Vợ/chồng trước (nếu có)	:	Any	
5. Children Con cái	:	MAI BÍCH, born in 1968 at Thới Đông, Ô Môn, Hậu Giang. Farmer at Thới Đông, Ô Môn.	
6. Siblings Anh chị em	:	Any	

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
Họ tên nhân viên
Position Title :
Chức vụ
Agency/Company/Office :
Sở/Hang/Văn phòng
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ tới
Name of American Supervisor :
Tên họ của Giám thị Mỹ
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
2. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
3. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : MAI BUM
Họ tên người tham gia
2. Dates : From : 01.07.1943 To : 31.12.1951
Ngày tháng năm French Army
RVNAF : 01.01.1951 To : 01.11.1958
3. Last Rank : Sergeant I Mil. Serial No. : 52/100.110
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Name of Supervisor/C.O. :
Họ tên giám thị/SQ chỉ huy
5. Ministry/Office/Mil. Unit:
Bộ / Sở/Đơn vị binh chủng
6. Reason for Separation : Dismissed because of having had
Lý do nghỉ việc served in The Army long time.
7. Names of American Advisor(s) :
Tên họ cố vấn Hoa Kỳ
8. U.S. Training Course in Viet Nam :
Các khóa huấn luyện của Hoa Kỳ tại VN
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award Date received :
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available. Available ? NO.)

(CHÚ Ý: Xin bạn đính kèm bất cứ văn bằng, giấy ban khen hay chứng thư, nếu có. Bạn có không? KHÔNG)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoại quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn
2. School and School Address :
Trường và địa chỉ Trường
3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm Từ tới
4. Description of Courses :
Mô tả ngành học
5. Who paid for Training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.
Available ? NO.)

(CHÚ Ý: Xin bạn đính kèm bất cứ văn bằng hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From : To :
Thời gian cải tạo Từ tới
3. Still in Re-Education ? YES : ... NO : X
Còn cải tạo không Còn Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao Giấy ra trại của Bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Quốc chủ phu thuộc ?

I had ~~be~~ been served continuously in the French Army to RMNAF.
for eighteen years.

My unique son and I could have been given allowance until he is
18 and until my last days. Beside, I have got many awards from
the Army : Croix De Guerre des TOE avec étoile d'argent
avec étoile de bronze

Croix de ~~la~~ Vaillance avec étoile de vermeil

Croix de guerre TOE avec étoile de vermeil.

ADBT with ~~Six~~ Bronze Star.

CDBT from Emperor BAO ĐAI dated 15.03.1955

I wish I could be given allowance so that I can afford my last days

Signature :

Đặt :

Ký tên

Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

Because of lost of papers after April 30th, 1975, there are some
remained :

- Photocopy of my ragged military cucciculum vitea.
- Photocopy of my dismissal certificate.



MAI BICH

Tham-chiếu: - QĐ. số 1158/QĐ/NV/HCP/CP/GN
ngày 2-6-1959.



CHỨNG-CHỈ GIẢI-NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHONG

NHA DONG-VIEN

PHONG DONG-VIEN SỐ 3

Số Đ. 11, DV3/4/2

Thieu-Ta NGUYEN-VAN-TIEP; Chủ-Su Phong Dong-Vien Số 3

chứng nhận theo hồ-sơ danh-bổ :

Cựu Trung-Sĩ Nhứt MAI-BUY số quân 52/100.110 sinh ngày 11-1-1919

tại Bình-An, Thới-Bảo CÁN-THO con ông MAI-DUC

và bà 7 THỊ-TUC

LIÊN-HIỆP-I HẠP

1/- Từ 1-7-43 đến 9-3-1945.

Nhập ngũ vào QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA ngày 2/- Từ 25-10-46 đến 31-12-1950.

Chuyển sang QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA từ ngày 1-1-1951

đã được giải-ngũ ngày 01-11-1958.

Lý do: Tại ngũ đã trên hai năm.

Đương-sự khai về cư-ngụ tại Bình-An, Thới-Bảo - CÁN-THO.

K.B.C. 4.309, ngày 17 VII 1967

Thieu-Ta NGUYEN-VAN-TIEP
Chủ-Su Phong Dong-Vien Số 3

Thiếu-Sy Nguyễn-Thoại-Hồng

Thieu

100-443887-1

số quân. 29.100.110

NHÂN DẠNG

QUẢN-VỤ LÊN TIẾP

[illegible]

g) Ghi rõ nêu xuất thân ở các trường Võ-bị sau đây :

Freitas Phái-lại, Tổng-thủ, Võ-Bị Liên-Quân Đalat, Sĩ-Quan Trừ-Bị Thủ-Đức, Võ-Bị Địa-Phương hay được thăng cấp.

Mẫu QB 46
7-4-84

7.65. TIALAP. O. 640

1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 26

- ~~NO NO NO NO NO X~~

CHIẾN-DỊCH

DINH TIEN HOANG

từ ngày 5/6/55

đến ngày 19/11/55

NGUYEN HUE

từ ngày 19/11/55

đến ngày 1/6/56

HOANG HOANG O HOANG HOANG HOANG HOANG HOANG

từ ngày

đến ngày

Ngày 1/6/56
Số 1/6/56
Số 1/6/56

THƯƠNG TỊCH

Được: 1/8/1947.
Được: 24/2/52.

HUY CHƯƠNG

- Croix de guerre des M.E. avec étoile d'argent
- Croix de guerre des M.E. avec étoile de Bronze.
- Croix de la vaillance avec étoile de vermeil
- Croix de guerre "M.E." avec étoile vermeil.
- M.E. 1^{er} degré avec palmes.
- M.E. 1^{er} degré avec palmes.

Đã xem (1):

Kính gửi, ngày 11/VI/57.....19

Nhận-thực:

T. L. NGUYEN VAN HUE

Trưởng Phòng Bình-Viện S. 3

Đại-Úy NGUYEN THOAI HUNG

Sĩ-Quân Ph. 16

Vuon

ông

TIẾP (tiếp theo)

From: MAI BUM
112/6 Thới Hoà C
Xã Thới Xuân
Huyện Ô Môn
Hậu Giang VIỆT NAM

R 956
#9 5 6



DEC 20 1989

MAY BAY
PAR AVION

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

359 = 182404